

PHỤ LỤC 2

Hướng dẫn triển khai kiểm tra an toàn thực phẩm trong dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn và mùa Lễ hội Xuân 2024

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-BCĐVSATTP ngày tháng 01 năm 2024)

Căn cứ yêu cầu bảo đảm an toàn thực phẩm trong dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn và mùa Lễ hội Xuân 2024, Ban Chỉ đạo liên ngành tỉnh về vệ sinh an toàn thực phẩm hướng dẫn việc triển khai công tác kiểm tra về an toàn thực phẩm trong dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn và mùa Lễ hội Xuân 2024 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Kiểm soát bảo đảm an toàn thực phẩm trước, trong và sau Tết Nguyên đán Giáp Thìn và mùa Lễ hội Xuân 2024, đặc biệt là các sản phẩm, nhóm sản phẩm sử dụng nhiều trong dịp tết Nguyên đán và trong các Lễ hội như: thịt và các sản phẩm từ thịt, bia, rượu, đồ uống có cồn, nước giải khát, bánh, mứt, kẹo, rau, củ, quả, gia vị, phụ gia thực phẩm,...và cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống; Kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các vi phạm về an toàn thực phẩm, kiểm soát không để xảy ra ngộ độc thực phẩm, nhất là ngộ độc tập thể, ngộ độc rượu do methanol.

- Đánh giá việc chấp hành pháp luật về an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống; kiểm soát và xử lý nghiêm minh hành vi sản xuất, kinh doanh thực phẩm giả, kém chất lượng theo Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 19/06/2018 của Thủ tướng Chính phủ. Chấn chỉnh hoạt động quảng cáo theo Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 09/05/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Yêu cầu

- Kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào những mặt hàng được sử dụng nhiều trong dịp tết Nguyên đán và trong các Lễ hội như thịt và các sản phẩm từ thịt, bia, rượu, đồ uống có cồn, nước giải khát, bánh, mứt, kẹo, rau, củ, quả, phụ gia thực phẩm,...và cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống. Chú trọng kiểm soát những đầu mối sản xuất, nhập khẩu, chợ đầu mối, trung tâm thương mại, siêu thị, chợ truyền thống, cơ sở giết mổ, vận chuyển thực phẩm; đồng thời kiểm soát chặt chẽ hoạt động buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng không bảo đảm chất lượng, hết hạn sử dụng, không rõ nguồn gốc, xuất xứ.

- Trong quá trình kiểm tra kết hợp làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức pháp luật về an toàn thực phẩm, nâng cao nhận thức và ý thức của cộng đồng trong bảo đảm an toàn thực phẩm.

- Triển khai kiểm tra trước, trong, sau Tết và mùa Lễ hội Xuân 2024, bảo đảm đúng tiến độ theo sự chỉ đạo của Ban Chỉ đạo liên ngành tỉnh về vệ sinh an toàn thực phẩm.

II. ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG

1. Đối tượng kiểm tra

- Đối tượng kiểm tra là các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống, tập trung vào những cơ sở sản xuất, kinh doanh các mặt hàng thực phẩm được sử dụng nhiều trong dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn và mùa Lễ hội Xuân 2024 như thịt và các sản phẩm từ thịt, bia, rượu, đồ uống có cồn, nước giải khát, bánh, mứt, kẹo, rau, củ, quả, phụ gia thực phẩm,...và cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống.

- Trong đó, các đoàn của tuyến tỉnh tập trung kiểm tra những cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm là đầu mối lớn, các chợ đầu mối, siêu thị, trung tâm thương mại. Đối với các cơ sở thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống vừa và nhỏ do cấp huyện, xã thực hiện kiểm tra.

2. Nội dung kiểm tra

2.1. Kiểm tra về an toàn thực phẩm được thực hiện theo quy định tại Điều 67 Luật An toàn thực phẩm; kiểm tra về an toàn thực phẩm thực hiện theo quy định tại các Điều 68, 69, 70 Luật An toàn thực phẩm và các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương và liên Bộ ban hành.

2.2. Nội dung trong quá trình kiểm tra tập trung xem xét:

2.2.1. Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm:

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP;
- Giấy chứng nhận sức khỏe đối với chủ cơ sở và người lao động;
- Xác nhận tập huấn kiến thức ATTP của chủ cơ sở và người lao động;
- Hồ sơ tự công bố sản phẩm/hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm;
- Nhãn sản phẩm hàng hóa thực phẩm;
- Tài liệu quảng cáo, hồ sơ đăng ký quảng cáo;
- Hồ sơ theo dõi về chất lượng sản phẩm;

- Điều kiện bảo đảm ATTP (bao gồm: Điều kiện cơ sở, điều kiện trang thiết bị dụng cụ, điều kiện con người, điều kiện vệ sinh trong quá trình sản xuất, kinh doanh);

- Quy trình chế biến, bảo quản, vận chuyển thực phẩm;
- Nguồn gốc thực phẩm, nguyên liệu, gia vị, phụ gia thực phẩm;
- Nguồn nước dùng cho sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm;
- Các nội dung khác có liên quan theo quy định.
- Lấy mẫu kiểm nghiệm các chỉ tiêu an toàn thực phẩm khi cần thiết.

2.2.2. Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống:

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP;
- Giấy chứng nhận sức khỏe đối với chủ cơ sở và người lao động;
- Xác nhận tập huấn kiến thức ATTP của chủ cơ sở và người lao động;
- Điều kiện bảo đảm ATTP (bao gồm: Điều kiện cơ sở, điều kiện trang thiết bị dụng cụ, điều kiện con người, điều kiện vệ sinh trong quá trình sản xuất, kinh doanh);

- Quy trình chế biến, bảo quản thực phẩm;
- Nguồn gốc thực phẩm, nguyên liệu, gia vị, phụ gia thực phẩm;
- Sổ kiểm thực ba bước, lưu mẫu thức ăn;
- Nguồn nước dùng để sơ chế, chế biến thực phẩm;
- Lấy mẫu kiểm nghiệm đánh giá chất lượng ATTP khi cần thiết;
- Các nội dung khác có liên quan theo quy định.

III. PHƯƠNG PHÁP TIẾN HÀNH

Trong quá trình kiểm tra tập trung vào một số nội dung trọng điểm như:

- Nghe báo cáo việc chấp hành các quy định bảo đảm ATTP của cơ sở.
- Thu thập tài liệu liên quan.
- Kiểm tra thực tế tại cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm.
- Lấy mẫu thực phẩm, nguyên liệu, gia vị, phụ gia thực phẩm để kiểm nghiệm đánh giá chất lượng an toàn thực phẩm khi cần thiết.
- Thu thập tài liệu, phân tích, đánh giá hồ sơ liên quan.
- Phân tích, đánh giá kết quả kiểm nghiệm để hoàn thành báo cáo.

- Lập biên bản kiểm tra; biên bản vi phạm hành chính (nếu có).
- Xử lý, kiến nghị xử lý theo thẩm quyền.

Kết thúc đợt kiểm tra yêu cầu các địa phương, các Đoàn kiểm tra nhận xét, đánh giá việc thực hiện quy định pháp luật về an toàn thực phẩm trong sản xuất, chế biến, kinh doanh của các cơ sở thực phẩm; đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, tổng hợp báo cáo theo **Mẫu 1** (Phụ lục 3) đảm bảo thời gian theo Kế hoạch đã ban hành.

IV. XỬ LÝ VI PHẠM

1. Các căn cứ để xử lý vi phạm

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội khóa 12;
- Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính số 67/2020/QH14 ngày 13 tháng 11 năm 2020;
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;
- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;
- Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;
- Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm; Nghị định 124/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm và Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế;
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
- Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định 126/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021

sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; hoạt động Khoa học và công nghệ, chuyên giao công nghệ; năng lượng nguyên tử;

- Nghị định số 14/2021/NĐ-CP ngày 01/3/2021 Nghị định xử phạt hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi;

- Nghị định số 38/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định về hành vi, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo; Nghị định số 129/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch; thể thao; quyền tác giả, quyền liên quan; văn hóa và quảng cáo;

- Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo kiểm dịch thực vật; Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y; Nghị định số 04/2020/NĐ-CP ngày 03/01/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y;

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh Rượu;

- Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Nghị định số 17/2022/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp; điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hoạt động dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí;

- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa; Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;

- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật quảng cáo; Nghị định số 70/2021/NĐ-CP ngày 20/7/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo;

- Thông tư số 48/2015/TT-BYT ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Bộ Y tế quy định hoạt động kiểm tra an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế; Thông tư 17/2023/TT-BYT ngày 25/9/2023 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành;

- Thông tư số 23/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 9 năm 2018 của Bộ Y tế quy định việc thu hồi và xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế;

- Thông tư 18/2019/TT-BYT ngày 17/7/2019 của Bộ Y tế hướng dẫn thực hành sản xuất tốt (GMP) trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo vệ sức khỏe; Thông tư 17/2023/TT-BYT ngày 25/9/2023 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành;

- Thông tư 25/2019/TT-BYT ngày 30/8/2019 của Bộ Y tế quy định truy xuất nguồn gốc sản phẩm thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế;

- Thông tư số 26/2012/TT-BKHHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường; Thông tư số 12/2017/TT-BKHHCN ngày 28 tháng 9 năm 2017 Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2012/TT-BKHHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường;

- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2018 quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn;

- Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2018 quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn;

- Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 17/2021/TT-BNNPTNT ngày 20/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Quy định về truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sửa đổi một số điều của Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT 25/12 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về kiểm tra, chứng nhận an toàn thực phẩm thủy sản xuất khẩu);

- Thông tư 13/2020/TT-BCT ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 10/2021/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định Danh mục chất cấm sử dụng trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo vệ sức khỏe;

- Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Thực hiện xử lý vi phạm

- Các đoàn kiểm tra khi phát hiện vi phạm phải xử lý theo đúng quy định của pháp luật; tuyệt đối không để mặt hàng thực phẩm không bảo đảm an toàn được phát hiện trong quá trình kiểm tra lưu thông trên thị trường.

- Đoàn kiểm tra liên ngành của tỉnh xử lý vi phạm hành chính ngay tại các cơ sở vi phạm hoặc chuyển về cơ quan chức năng có thẩm quyền để xử lý theo quy định.

- Đoàn kiểm tra liên ngành của các huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn nếu không có thẩm quyền xử lý vi phạm thì chuyển hồ sơ về UBND cùng cấp để xử lý theo quy định.

V. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Tuyển tỉnh

- Các Sở: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương; Cục Quản lý thị trường căn cứ chức năng nhiệm vụ chỉ đạo các đơn vị liên quan thành lập các đoàn kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

2. Tuyển huyện, xã

Mỗi huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn thành lập 01 Đoàn kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm, tổ chức đầy đủ thành phần tham gia theo chức năng nhiệm vụ. Triển khai kiểm tra, lấy mẫu kiểm nghiệm tại các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm theo phân cấp quản lý.

3. Thời gian thực hiện

3.1. Tuyển tỉnh thành lập Đoàn kiểm tra trước ngày 28/12/2023.

3.2. Tuyển huyện, xã thành lập các Đoàn kiểm tra trước ngày 02/01/2024.

3.3. Từ ngày 28/12/2023 đối với tuyển tỉnh, từ ngày 02/01/2024 đối với tuyển huyện, xã tiến hành kiểm tra theo kế hoạch và phân cấp phạm vi quản lý.

4. Thông báo sự cố, vi phạm về an toàn thực phẩm

- Trường hợp phát hiện có sự cố về an toàn thực phẩm, các đoàn kiểm tra tuyển tỉnh, huyện, xã có trách nhiệm báo nhanh trong 24 giờ về Sở Y tế qua Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, để tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo liên ngành tỉnh, báo cáo Bộ Y tế (Cục An toàn thực phẩm).

- Đối với các trường hợp có vi phạm thuộc diện phải thông báo rộng rãi, các đoàn kiểm tra phải kịp thời thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định, để bảo đảm sức khỏe cho người dân.

VI. KINH PHÍ, PHƯƠNG TIỆN

- Kinh phí, chế độ, phương tiện (xe ô tô, xăng xe) phục vụ các đoàn kiểm tra trên địa bàn tỉnh từ nguồn kinh phí địa phương và các nguồn kinh phí khác.

- Việc sử dụng kinh phí cho hoạt động của Đoàn kiểm tra theo quy định hiện hành.

Yêu cầu các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ bản Kế hoạch này, xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức triển khai công tác kiểm tra trên địa bàn quản lý, báo cáo kết quả về Cơ quan thường trực Sở Y tế qua Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm theo đúng thời gian, tiến độ để tổng hợp, báo cáo Bộ Y tế (Cục An toàn thực phẩm), UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo liên ngành tỉnh về vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định./.